

Bản án số: 1784/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2022
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 09/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 940/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 942/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn N; địa chỉ: Đường D, phường T, Quận M, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Nguyễn P; địa chỉ: Đường X, Phường H, quận B, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 13/4/2019. Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, không thể kéo dài cuộc hôn nhân này bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn A sinh ngày 25/11/2019. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần triệu tập họp lệ bị đơn là ông Nguyễn P đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Trong thời gian chung sống, bà N và ông P phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Các bên không có sự cảm thông, chia sẻ lẫn nhau, đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Tòa án đã tổng đạt triệu tập họp lệ nhưng ông Phú không có mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án xem như không có nguyện vọng đoàn tụ. Mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do con chung của các đương sự dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 13/4/2019 do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn N và ông Nguyễn P thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và đôi bên đã ly thân từ tháng 02/2022 đến

nay. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng lẫn nhau và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Hiện mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn A sinh ngày 25/11/2019. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn N:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn N được ly hôn với ông Nguyễn P.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn A sinh ngày 25/11/2019. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Nguyễn N phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0049724 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND phường T, quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh